TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03-5-2024
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hiển.

2. Bà Cao Thị Hưng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Lê Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nhâm Thị Thanh X** - Sinh năm 20xx.

Địa chỉ: Thôn VT, xã TQ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

* *Bị đơn:* Anh **Vũ Tiến H**- Sinh năm 19xx.

ĐKHK: Thôn QT, xã ĐX, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Thôn LL, xã ĐX, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

** Người làm chứng:*

1. Ông **Vũ Tiến Ư**- Sinh năm 19xx.

2. Bà **Vũ Thị N** - Sinh năm 19xx.

3. Anh **Vũ Tiến C** - Sinh năm 19xx.

Đều trú tại địa chỉ: Thôn LL, xã ĐX, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

4. Bà **Nguyễn Thị X1** - Sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Thôn VT, xã TQ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt chị X, anh H, ông Ư, bà N, anh C, bà X)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai; Nguyên đơn - chị Nhâm Thị Thanh X trình bày:* Chị và anh Vũ Tiến H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/9/2022 tại UBND xã ĐX, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh H hay đánh và đập đồ của chị, quản lý kinh tế chặt chẽ, kiểm soát chi tiêu tiền lương của chị, mâu thuẫn căng thẳng nhất là ngày 03/10/2023 anh H và bố mẹ anh H khoá cửa, khóa cổng đánh hai mẹ con chị, đập điện thoại của chị, ép chị đưa tiền theo ý của gia đình anh H, nếu không đưa tiền thì anh H và bố mẹ anh H đe dọa giết, đánh hai mẹ con chị, chị lo sợ đưa hết tài sản cho gia đình anh H để cứu mạng sống của hai mẹ con, sau đó chị nhờ Công an xã ĐX giải quyết đưa về nhà mẹ đẻ tại xã TQ để ở và sống ly thân với anh H từ tháng 10/2023. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Vũ Tiến H.

Chị và anh Vũ Tiến H không có con chung và tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị yêu cầu anh Vũ Tiến H phải trả lại cho chị số tài sản riêng gồm: 50.000.000 đồng chị bán 09 chỉ vàng chị được mẹ và gia đình cho khi kết hôn với anh H, 40.000.000 đồng chị rút tiền tiết kiệm và 27.000.000 đồng chị tiết kiệm tiền lương. Tổng số tiền riêng chị đưa cho anh H là 117.000.000 đồng dùng trả nợ tiền mua xe ô tô cho anh H trước khi kết hôn với chị. Ngày 03/10/2023, anh H đánh mẹ con chị, ép chị phải đi rút tiền tiết kiệm về đưa cho mẹ anh H và ép chị viết giấy biên nhận ngày 03/10/2023, thực tế chị có thanh toán trả cho bà N 16.200.000 đồng, có trả cho anh H (Q) 90.000.000 đồng còn bà N không trả cho chị số tiền 50.000.000 đồng và chị không giữ số tiền 45.000.000 đồng đã ký nhận trong văn bản ngày 03/10/2023. Việc chị trả 90.000.000 đồng cho anh H do ông Ư bố chồng bảo anh H làm nhiều tiền hơn nên phải trả cho anh H 90.000.000 đồng. Chị làm công nhân may từ tháng 4/2020. Thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng nên đã tiết kiệm được số tiền trên đưa cho anh H. Vì vậy, nay chị yêu cầu anh H phải trả cho chị tổng số tiền là 117.000.000 đồng là tiền riêng của chị.

** Tại Bản tự khai; Bị đơn - anh Vũ Tiến H trình bày:* Anh và chị Nhâm Thị Thanh X tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/9/2022 tại UBND xã ĐX, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 03/10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị X hay sang bên ngoại và bị nhiều người bên ngoại xúi bẩy, bắt ép anh phải theo nề nếp, lối sống bên đó. Mẹ vợ anh còn hay tham gia vào vấn đề tài chính và sinh hoạt đời tư của hai vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn phát sinh. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 03/10/2023, nay chị X xin ly hôn, anh đồng ý.

Anh và chị Nhâm Thị Thanh X không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nhâm Thị Thanh X yêu cầu anh trả số tiền riêng 117.000.000 đồng, anh không đồng ý. Cụ thể những khoản chị X yêu cầu anh thanh toán, anh có ý kiến như sau:

1. Anh không biết việc chị X bán 09 chỉ vàng nhưng chị X có đưa cho anh 48.000.000 đồng, anh đã bù vào 2.000.000 đồng tổng là 50.000.000 đồng sau đó đưa cho anh Vũ Tiến C (anh trai anh) để trả nợ Ngân hàng khoản tiền vay mua xe ô tô. Tuy nhiên, theo văn bản đề ngày 03/10/2023 bà N (mẹ anh) đã trả chị X 50.000.000 đồng nên anh không còn nợ chị X số tiền 50.000.000 đồng như chị X yêu cầu.

2. Anh không nhận khoản tiền 27.000.000 đồng trực tiếp từ chị X nên anh không có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền 27.000.000 đồng.

3. Ngày 03/10/2023, chị X có đi rút 2 sổ tiết kiệm được 50.000.000 đồng, đối trừ số tiền 10.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Nhàn (em gái bà X1), còn số tiền 40.000.000 đồng chị X vẫn quản lý. Sau đó, chị X tự cộng các khoản tiền thu nhập chung của hai vợ chồng, đối trừ các khoản đã chi tiêu, được ghi chép tại một quyển sổ riêng, hai bên chốt lại chị X còn 45.000.000 đồng, anh còn 90.000.000 đồng. Hai bên đã thanh toán xong và ký nhận tiền vào biên bản ngày 03/10/2023, vì vậy anh không đồng ý trả cho chị X số tiền 40.000.000 đồng rút tiết kiệm như chị X yêu cầu.

** Tại biên bản lấy lời khai; người làm chứng - ông Vũ Tiến Ư và bà Vũ Thị N trình bày:* Ngày 03/10/2023, chị X và anh H đã thanh toán thu nhập của 2 vợ chồng, sau khi trừ các khoản tiền đã chi tiêu thì số tiền của anh H còn 90.000.000 đồng, tiền của chị X còn 45.000.000 đồng. Chị X đã đưa cho anh Hội 90.000.000 đồng, chị X giữ lại 45.000.000 đồng, anh H ký nhận đủ số tiền 90.000.000 đồng và chị X ký nhận đủ số tiền 45.000.000 đồng trước sự chứng kiến của 2 bên gia đình. Sau khi thanh toán tiền với anh H xong, chị X trả cho bà N 16.200.000 đồng trị giá số vàng bà N trao cho chị X trong ngày cưới. Bà N trả cho chị X 50.000.000 đồng mà chị X đã bán vàng dùng trả nợ tiền mua xe ô tô cho anh H. Toàn bộ vấn đề

thanh toán tiền giữa hai bên đã được ghi nhận trong văn bản ngày 03/10/2023, chị X đã trực tiếp ghi trong biên bản *"...đã thanh toán xong không bên không bên nào nợ ai nữa",* vì vậy nay anh H không có nghĩa vụ phải thanh toán trả chị X số tiền 117.000.000 đồng như chị X yêu cầu.

** Tại biên bản lấy lời khai; người làm chứng - anh Vũ Tiến C trình bày:* Trước khi kết hôn với chị X, anh H có vay của vợ chồng anh số tiền 300.000.000 đồng. Mục đích anh H vay số tiền trên của vợ chồng anh sử dụng vào việc gì anh không biết. Ngày 03/10/2023, vợ chồng anh không chứng kiến cụ thể việc thanh toán tiền giữa các bên như nội dung ghi trong văn bản ngày 03/10/2023. Đến tối khi vợ chồng anh đi làm về thấy mọi người đang viết văn bản, cụ thể nội dung văn bản như thế nào vợ chồng anh không biết. Khi anh H, chị X còn hoà thuận, anh H, chị X có trả nợ cho vợ chồng anh nhiều lần, tuy nhiên số tiền trả bao nhiêu thì anh không nhớ.

** Tại biên bản lấy lời khai; người làm chứng - bà Nguyễn Thị X1 trình bày:* Bà nhất trí với nội dung trình bày của chị Nhâm Thị Thanh X. Do gia đình anh H ép buộc, đe doạ nên bà và chị X phải ký vào văn bản ngày 03/10/2023 để còn được thả về, thực tế chị X không cầm bất kỳ khoản tiền nào thể hiện trong văn bản ngày 03/10/2023 mà chị X còn giao cho bà N - mẹ anh Hội số tiền rút tiết kiệm là 40.000.000 đồng.

*** Ý kiến của các đương sự tại phiên toà:**

1. Chị Nhâm Thị Thanh X trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Vũ Tiến H và đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh H trả chị 117.000.000 đồng là số tiền riêng chị đã đưa cho anh H và gia đình anh H.

2. Anh Vũ Tiến H trình bày: Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị X ly hôn, anh nhất trí. Ngày 03/10/2023, anh và chị X, gia đình anh, gia đình chị X đã thanh toán kinh tế với nhau xong, vì vậy anh không đồng ý trả chị X số tiền 117.000.000 đồng. Việc chị X khai ngày 03/10/2023 gia đình anh đe doạ, ép buộc chị X viết văn bản trên là không đúng vì toàn bộ chữ viết trong văn bản là chị X viết và chữ ký đúng của mọi người.

3. Ông Vũ Tiến Ư và bà Vũ Thị N trình bày: Sáng ngày 03/10/2023, bà Nguyễn Thị X1 mẹ chị X đến nhà ông bà yêu cầu chị X viết đơn ly hôn anh H và bắt chị X phải thanh toán cụ thể tài chính giữa hai bên. Chị X đã đi rút tiền tiết kiệm, lấy sổ chi tiêu hoạch toán số tiền thu nhập và chi tiêu của vợ chồng, chị X xác định anh H còn 90.000.000 đồng, chị X còn 45.000.000 đồng, sau đó chị X trả cho bà N 16.200.000 đồng, trả anh H 90.000.000 đồng, bà N trả cho chị X 50.000.000 đồng tiền chị X đưa cho anh Hội và mẹ chị X là bà X1 đã ký nhận vào văn bản. Như vậy, hai bên đã thanh toán tiền cho nhau xong, nay chị X yêu cầu anh H trả số tiền 117.000.000 đồng là không đúng. Việc chị X khai

gia đình ông bà giữ, đe doạ, chửi mẹ con chị X là sai sự thật vì Công an xã ĐX đã giải quyết và kết luận không có sự việc như bà X1, chị X tố cáo.

4. Anh Vũ Tiến C trình bày: Trước khi anh Hội kết hôn với chị X, vợ chồng anh có cho anh H vay tiền, sau khi kết hôn, anh H, chị X có trả nợ tiền cho vợ chồng anh, tuy nhiên số lần và số tiền trả cụ thể anh không nhớ, anh không chứng kiến việc chị X, anh H thanh toán kinh tế với nhau, anh có chứng kiến chị X viết văn bản và bố mẹ anh còn mời bà X ở lại ăn cơm nên việc bà X, chị X khai gia đình anh chửi mắng, đe doạ ép buộc chị X viết văn bản là không đúng sự thật.

5. Bà Nguyễn Thị X trình bày: Việc gia đình anh H giữ mẹ con bà và đe doạ, ép buộc chị X phải viết văn bản ngày 03/10/2023 theo ý của gia đình anh H là đúng sự thật, chị X không nhận khoản tiền nào của bà N như gia đình anh H trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nhâm Thị Thanh X và anh Vũ Tiến H.

- Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản: Không chấp nhận yêu cầu của chị Nhâm Thị Thanh X buộc anh Vũ Tiến H trả tài sản riêng cho chị X 117.000.000 đồng.

- Về án phí: Chị Nhâm Thị Thanh X và anh Vũ Tiến H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Nhâm Thị Thanh X phải chịu án phí đối với yêu cầu về tài sản không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng***:* Ngày 16/10/2023, chị Nhâm Thị Thanh X khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với bị đơn - anh Vũ Tiến H đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã ĐX, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Đông Hưng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nhâm Thị Thanh X và anh Vũ Tiến H kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/1922 tại Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Tháng 10/2023 hai bên sống ly thân tự lo liệu cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau, nay chị X xin ly hôn, anh H đồng ý thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được, vì vậy áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nhâm Thị Thanh X và anh Vũ Tiến Hlà phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Nhâm Thị Thanh X và anh Vũ Tiến H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản:

[3.1] Về tài sản chung: Chị Nhâm Thị Thanh X và anh Vũ Tiến Hkhông yêu cầu giải quyết về tài sản chung vì vậy không đặt ra giải quyết.

[3.2] Về tài sản riêng:

[3.2.1] Số tiền 50.000.000 đồng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Tiến H, ông Vũ Tiến Ư, bà Vũ Thị N đều thừa nhận chị Nhâm Thị Thanh X có đưa cho anh H 48.000.000 đồng và anh H bù thêm 2.000.000 đồng thành tổng là 50.000.000 đồng để chị X, anh H trả tiền vay mua xe ô tô cho anh Vũ Tiến C. Tuy nhiên, theo giấy đề ngày 03/10/2023 anh H cung cấp thể hiện trang 01 có nội dung *"Con là chủ thanh toán: Nhâm Thị Thanh X cùng với anh Q đã thanh toán xong không bên nào nợ ai nữa"* và trang 02 có nội dung *"Tôi Nhâm Thị Thanh X trả mẹ N 16.200.000 (mười sáu triệu 2 trăm). Trả Q đủ 90.000.000 đồng (chín mươi triệu), Mẹ N trả X 50.000.000 đồng (năm mươi triệu)"*, phía dưới nội dung trên ghi Mẹ X (bà X1 ký), Mẹ N (bà N ký). Chị X thừa nhận toàn bộ nội dung trong giấy đề ngày 03/10/2023 do chị viết, chữ ký trong giấy đúng là của chị và của mọi người, đồng thời chị xác nhận có thanh toán trả anh Hội 90.000.000 đồng, thanh toán trả bà N 16.200.000 đồng thể hiện trong trang 02 nội dung giấy ghi ngày 03/10/2023, như vậy chị X đã thừa nhận giấy đề ngày 03/10/2023 có giá trị pháp lý, song chị X và bà X1 cho rằng Chị X viết giấy đề ngày 03/10/2023 là do bị gia đình anh H đe doạ ép buộc, vì lo sợ ảnh hưởng đến tính mạng của hai mẹ con nên chị X phải viết những nội dung trên nhưng chị X, bà X không cung cấp được chứng cứ. Tài liệu Công an xã ĐX cung cấp thể hiện Công an đã giải quyết và kết luận không có sự việc như bà X, chị X tố cáo. Do vậy, không có cơ sở xác định chị X viết giấy đề ngày 03/10/2023 do bị gia đình anh H đe doạ, ép buộc. Căn cứ chữ viết của chị X tại trang 01 "*đã thanh toán xong không bên nào nợ ai nữa"* và trang 02 *"Mẹ N trả X 50.000.000 đồng"* đồng thời bà X (mẹ chị X) cũng ký nhận dưới văn bản, vì

vậy anh H, ông Ư, bà N xác định đã trả chị X số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2.2] Số tiền 40.000.000 đồng: Ngày 03/10/2023, chị X có rút số tiền tiền gửi tiết kiệm 40.000.000 đồng nhưng chị X không cung cấp được việc giao nhận tiền cho gia đình anh H, bản thân anh H, bà N, ông Ứng không thừa nhận lời khai của chị X, vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị X đối với số tiền 40.000.000 đồng.

[3.2.3] Số tiền 27.000.000 đồng: Ngoài lời khai của chị X về số tiền trên, không có ai thừa nhận có sự việc chị X đưa số tiền trên cho anh H như chị X trình bày. Đồng thời, chị X không cung cấp được chứng cứ, chứng minh về sự việc trên. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị X đối với số tiền 27.000.000 đồng.

[3.2.4] Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nhâm Thị Thanh X buộc anh Vũ Tiến H trả cho chị X số tiền riêng 117.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Chị Nhâm Thị Thanh X và anh Vũ Tiến H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị X phải chịu án phí đối với yêu cầu giải quyết về tài sản không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nhâm Thị Thanh X và anh Vũ Tiến H.

2. Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Không chấp nhận yêu cầu của chị Nhâm Thị Thanh X buộc anh Vũ Tiến H trả số tiền riêng cho chị X là 117.000.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Chị Nhâm Thị Thanh X phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 5.850.000 đồng án phí về yêu cầu chia tài sản riêng, tổng 6.000.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng chị X nộp theo Biên lai số 0003035 ngày 25/10/2023 và số tiền 3.000.000 đồng chị X nộp theo Biên lai số 0003104 ngày 17/01/2024 tại Chi cục

thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, chị X còn phải thi hành 2.700.000 đồng.

4.1. Anh Vũ Tiến H phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nhâm Thị Thanh X và anh Vũ Tiến H. Chị X, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND - VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- UBND xã ĐX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phương Thảo